TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21/01/2021.
Về việc "Ly hôn và tranh chấp con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
-----***-----

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biểu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Ông Dương Ming Ngọc

Thư ký Tòa án: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 V/v: "*Ly hôn và tranh chấp con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 28/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1979; trú tại: Thôn V, xã R, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Ái Tr, sinh năm: 1981; trú tại: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N và bà Đỗ Thị Ái Tr đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam vào ngày 24/01/2017 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không đồng quan điểm; ông N và bà Tr đã tự ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm hiện nay không còn nên ông N yêu cầu Tòa án xem xét cho ông N được ly hôn bà Đỗ

Thị Ái Tr.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng ông N và bà Tr có con chung là Đỗ Hữu B, sinh ngày 10/12/2016. Yêu cầu Tòa án giao con chung Đỗ Hữu B, sinh ngày 10/12/2016 cho ông N nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông N không yêu cầu bà Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Ông N không yêu cầu giải quyết;

Bị đơn bà Đỗ Thị Ái Tr đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hoà giải và đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Riêng đối với bị đơn bà Đỗ Thị Ái Tr vi phạm pháp luật tố tụng dân sự; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Đỗ Thị Ái Tr. Về con chung: Giao con chung tên là Đỗ Hữu B, sinh ngày 10/12/2016 cho ông N nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Đỗ Thị Ái Tr hiện trú tại: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, việc khởi kiện của ông N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Bị đơn bà Đỗ Thị Ái Tr đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị Ái Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị Ái Tr tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của ông N và bà Tr là hôn

nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì ông N và bà Tr phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân theo ông N là do ông N và bà Tr bất đồng quan điểm sống, bà Tr không quan tâm chồng con nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ông đã tự ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa ông N và bà Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận của ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Đỗ Thị Ái Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giữa ông N và bà Tr có con chung là Đỗ Hữu B, sinh ngày 10/12/2016. Ông N yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu B đang ở với ông N, ông N có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu B nên xét giao cho ông Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi cháu Đỗ Hữu B, sinh ngày 10/12/2016 đến đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, ông N không yêu cầu bà Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc "Ly hôn, tranh chấp con chung" đối với bị đơn bà Đỗ Thị Ái Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Đỗ Thị Ái Tr

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Đỗ Hữu B, sinh ngày 10/12/2016 cho ông Nguyễn Văn N nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà Đỗ Thị Ái Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Tự giải quyết.

- Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Nguyễn Văn N phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp theo biên lai thu số 0004840 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- UBND xã T1;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRƯƠNG VĂN BIỂU